

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II LỚP 3	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	30
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	32
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	34
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	36
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	38



A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN TẬP



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng.

Câu 1. Số nào sau đây gồm 2 nghìn, 3 trăm, 4 chục, 5 đơn vị?

- A. 2345. B. 2435. C. 2543. D. 2534.

Câu 2. Kim dài đồng hồ chỉ số IX, kim ngắn chỉ qua số V (chưa đến số VI). Hỏi đồng hồ chỉ mấy giờ:

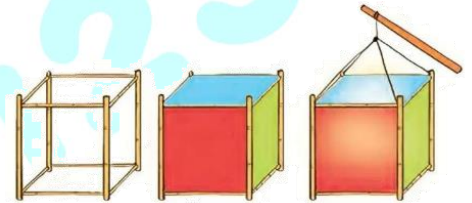
- A. 5 giờ kém 15 phút. B. 5 giờ 9 phút.
C. 5 giờ 45 phút. D. 5 giờ 15 phút.

Câu 3. Everest là ngọn núi cao nhất trên thế giới, nằm tại biên giới Tây Tạng và Nepal. Đỉnh Everest có độ cao 8848m so với mực nước biển. Em hãy làm tròn con số này đến hàng chục.

- A. 8840. B. 8850. C. 8830. D. 8950.

Câu 4. Anh Nam làm những chiếc đèn lồng có dạng khối lập phương.

Mỗi mặt dán một tờ giấy màu. Hỏi anh Nam làm 3 chiếc đèn lồng như vậy cần dùng bao nhiêu tờ giấy màu?



- A. 13 tờ. B. 15 tờ. C. 18 tờ. D. 6 tờ.

Câu 5. Số lượng hàng hoá mỗi tàu chở đã được ghi trên thân tàu. Theo em, tàu nào chở lượng hàng hoá nhiều nhất?



- A. Tàu A. B. Tàu B. C. Tàu C. D. Tàu D.

Câu 6. Ngày 1 tháng 6 là ngày thứ Ba. Vậy ngày 12 tháng 6 cùng năm đó là thứ mấy trong tuần?

- A. Thứ Tư. B. Thứ Năm. C. Thứ Sáu. D. Thứ Bảy.

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số lớn nhất trong các số 18 910, 18 091, 18 190, 18 019 là:

- A. 18 910. B. 18 091. C. 18 190. D. 18 019.

Câu 2. Một gia đình thu hoạch được 14 787kg cà phê. Hỏi nếu làm tròn số đến hàng nghìn, ta nói gia đình đó thu hoạch được khoảng bao nhiêu ki-lô-gam cà phê?

- A. 10 000kg. B. 15 000kg. C. 14 000kg. D. 14 800kg.

Câu 3. Buổi tối Nam đi ngủ vào lúc đồng hồ chỉ như hình.

Hỏi Nam đi ngủ lúc mấy giờ (theo hệ 24 giờ)?

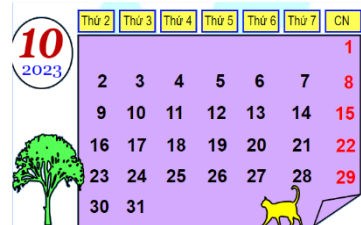
- A. 22 giờ 12 phút. B. 10 giờ 12 phút.
C. 12 giờ 12 phút D. 0 giờ 12 phút.



Câu 4. Xem tờ lịch tháng 10 năm 2023 rồi trả lời câu hỏi.

Ngày cuối cùng của tháng 10 năm 2023 là thứ mấy trong tuần?

- A. Thứ Hai. B. Thứ Ba.
C. Thứ Tư. D. Chủ nhật.



Câu 5. Các số cần điền vào ô trống lần lượt từ trái qua phải là:



- A. 1530; 6102. B. 1530; 6210. C. 6120; 1530. D. 1530; 6120.

Câu 6. Trong hình vẽ dưới đây có M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Vậy độ dài đoạn AM bằng:

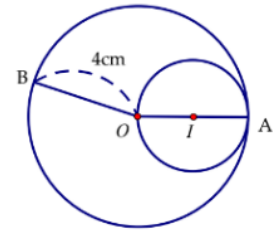


- A. 14cm. B. 8cm. C. 7cm. D. 10cm.

Câu 7. Cho hình tròn tâm O, bán kính OB và hình tròn tâm I, bán kính IA. Độ dài bán kính của hình tròn tâm I bằng bao nhiêu?

- A. 2cm.
C. 8cm.

- B. 4cm.
D. 16cm



Câu 8. Có 2 nguồn sách. Nguồn thứ nhất có 1090 cuốn sách, nguồn thứ hai nếu có thêm 13 cuốn sách thì sẽ gấp đôi số sách nguồn thứ nhất. Hỏi cả 2 nguồn có bao nhiêu cuốn sách?

- A. 2357 cuốn sách.
C. 2167 cuốn sách.

- B. 3257 cuốn sách.
D. 1276 cuốn sách.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $12\ 908 + 31\ 086$

b) $16\ 801 - 11\ 083$

c) 2765×5

d) $56\ 130 : 3$

Bài 2. Điền số thích hợp vào ô trống để được các số tương ứng với số La Mã đã cho:

a) XIV: b) XX:

c) III: d) XV:

Bài 3. Một thư viện có 2910 cuốn truyện tranh, sau đó mua thêm được một số cuốn bằng $\frac{1}{6}$ số truyện tranh đã có. Hỏi thư viện có tất cả bao nhiêu cuốn truyện tranh?

Bài 4. Phép chia có thương bằng 1202 và số dư bằng 4 thì số bị chia bé nhất của phép chia là bao nhiêu?

Trả lời:

Câu 8. Bác Hùng có một mảnh đất hình chữ nhật với chiều dài là 1212cm, chiều rộng là 275cm. Bác muốn làm hàng rào bao quanh mảnh đất đó. Hỏi bác Hùng cần làm bao nhiêu xăng-ti-mét hàng rào, biết bác để lối đi rộng 74cm?



A. 2794cm.

B. 2974cm.

C. 2900cm.

D. 3400cm.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

a) $707 + 5857$

b) $4497 - 833$

c) 4013×2

d) $1824 : 4$

Bài 2. Thực hiện các yêu cầu dưới đây:

a) Sắp xếp các số: 36 597, 59 268, 59 378, 94 472, 83 647 theo thứ tự tăng dần.

.....

b) Sắp xếp các số: 76 389, 94 258, 49 852, 67 983, 87 396 theo thứ tự giảm dần.

.....

Bài 3. Một đội công nhân phải sửa quãng đường dài 3519 m. Đội đã sửa được đoạn đường có độ dài giảm đi 9 lần so với độ dài quãng đường ban đầu. Hỏi đội công nhân đó phải sửa bao nhiêu mét đường nữa?

Bài 4. Bạn Đông mất 16 phút để đi bộ từ cột đèn thứ nhất đến cột đèn thứ 9. Hỏi nếu bạn Đông đi tiếp 20 phút nữa thì sẽ đi đến cột đèn thứ mấy? Biết rằng tốc độ đi của Đông không thay đổi và các cột đèn cách đều nhau.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số liền trước của số 6290 là

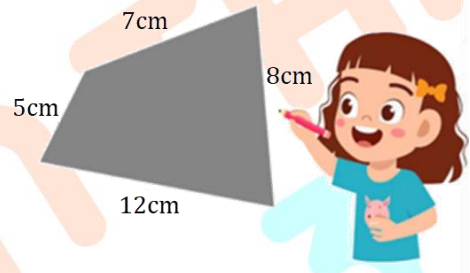
- A. 6289. B. 6291. C. 6298. D. 6288.

Câu 2. Số gồm “51 nghìn, 6 trăm, 2 chục và 3 đơn vị” được viết là:

- A. 51 623. B. 56 123. C. 51 632. D. 56 132

Câu 3. Mai vẽ hình tứ giác với độ dài các cạnh như hình vẽ. Chu vi hình tứ giác mà bạn Mai vẽ được là:

- A. 30cm. B. 23cm.
C. 36cm. D. 32cm.



Câu 4. Các số La Mã: XI; XVII; XIV; IX được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

- A. IX; XI; XVII; XIV. B. XI; IX; XIV; XVII.
C. IX; XI; XIV; XVII. D. XIV; IX; XI; XVII.



Câu 5. Bốn huyện A, B, C, D có số dân được cho trong bảng sau:

Huyện	Số dân
A	50 120 người
B	59 290 người
C	52 990 người
D	54 763 người

Hỏi huyện nào đông dân nhất?

- A. Huyện A B. Huyện B C. Huyện C D. Huyện D

Câu 6. Cho hình vuông có cạnh là 8cm. Diện tích của hình vuông đó là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

- A. 32cm². B. 56cm².
C. 49cm². D. 64cm².



Câu 7. Vụ mùa năm nay, bác Nam thu hoạch được 2147kg thóc, bác Mai thu hoạch được ít hơn bác Nam 325 kg thóc. Hỏi vụ mùa năm nay, cả bác Nam và bác Mai thu hoạch được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

- A. 3969kg. B. 1822kg. C. 3699kg. D. 1288kg.

Câu 8. Hoa nghĩ ra một số, nếu lấy số đó gấp lên 4 lần rồi trừ đi 635 thì được 6949. Tìm số mà Hoa nghĩ.

- A. 1986. B. 7584. C. 1896. D. 6314.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $6909 + 1457$

b) $3406 - 2095$

c) 2567×3

d) $5992 : 7$

Bài 2. Điền dấu "> , < , =" thích hợp vào chỗ trống:

a) $370\text{cm}^2 + 25\text{cm}^2 \dots\dots 363\text{cm}^2$

b) $500\text{cm}^2 - 123\text{cm}^2 \dots\dots 387\text{cm}^2$

c) $15\text{cm}^2 \times 4 \dots\dots\dots 60\text{cm}^2$

d) $80\text{cm}^2 \dots\dots\dots 560\text{cm}^2 : 7$

Bài 3. Một hình chữ nhật có chiều dài 1dm và chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Hỏi chu vi của hình chữ nhật đó là bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài 4. Điền 3 số tiếp theo vào dãy số sau: 1; 1; 2; 3; 5; 8; 13; 21; ... ; ... ; ...

Trả lời:

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Làm tròn số 47 568 đến hàng trăm, ta được số:

- A. 47 570. B. 47 600. C. 47 500. D. 48 000.

Câu 2. Số 20 165 được viết thành tổng đúng là:

- A. $20\ 000 + 100 + 60 + 5$. B. $20\ 000 + 1000 + 600 + 5$.
C. $2000 + 100 + 60 + 5$. D. $20\ 000 + 1000 + 60 + 5$.

Câu 3. Kết quả của phép tính: $(2063 + 6942) : 5$ là:

- A. 1801. B. 1180. C. 9005. D. 1081.

Câu 4. Một hộp bánh chứa được nhiều nhất 4 cái bánh. Nếu có 1186 cái bánh thì cần ít nhất bao nhiêu cái hộp như thế?



- A. 296 cái hộp. B. 297 cái hộp. C. 298 cái hộp. D. 299 cái hộp.

Câu 5. Các số La Mã: VI, IX, III, VIII, XIX được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

- A. III, IX, VI, VIII, XIX B. III, VI, VIII, IX, XIX
C. III, VI, VIII, XIX, IX. D. VI, III, VIII, XIX, IX

Câu 6. Cho một hình tam giác có chu vi là 36dm. Biết 2 cạnh có độ dài là 13dm và 9dm. Tìm độ dài cạnh còn lại của tam giác đó.

- A. 23dm. B. 27dm. C. 14dm. D. 58dm.

Câu 7. Trong một cái kho chứa 7500 thùng hàng. Người ta chuyển từ kho đi một số thùng hàng thì số thùng hàng còn lại bằng số thùng hàng ban đầu giảm đi 4 lần. Hỏi số thùng hàng đã chuyển đi là bao nhiêu?

- A. 1875 thùng. B. 5625 thùng. C. 5265 thùng. D. 1785 thùng.

Câu 8. Tìm một số, biết rằng lấy số đó trừ đi 463 rồi chia cho 8 thì được 482.

- A. 3586. B. 3856. C. 3419. D. 4319.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

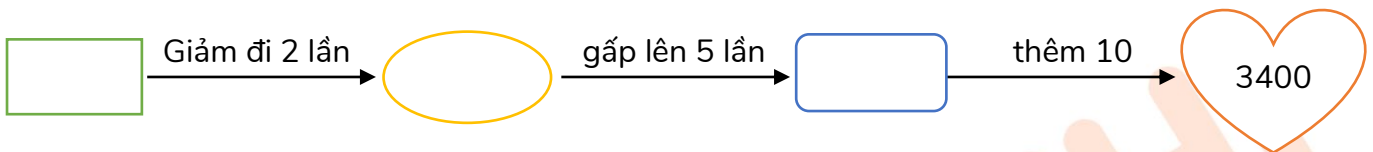
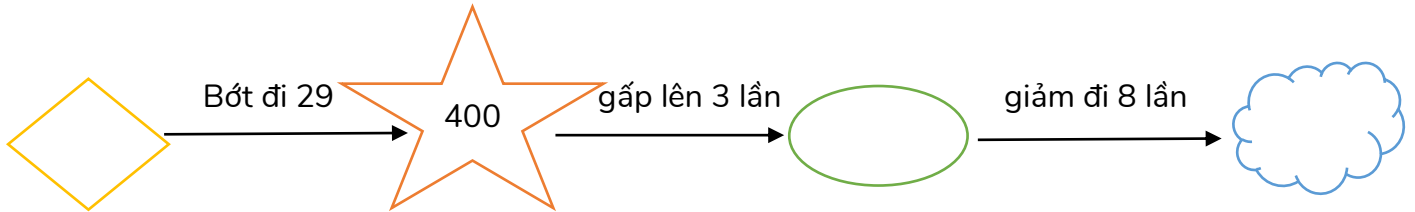
a) $7235 + 1968$.

b) $9090 - 5775$.

c) 2307×3 .

d) $6940 : 4$.

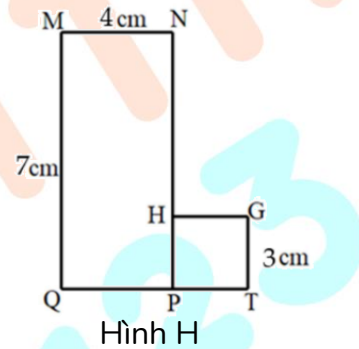
Bài 2. Điền các số thích hợp vào các hình sau:



Bài 3. Hình H gồm hình chữ nhật MNPQ và hình vuông HGTP như hình sau.

a) Tính diện tích hình chữ nhật MNPQ và hình vuông HGTP .

b) Tính diện tích hình H.



Bài 4. Bạn Mai viết một dãy số: 1, 0, 2, 1, 0, 2, 1, 0, 2... Hỏi số hạng thứ 41 là số mấy?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

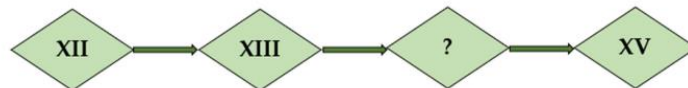
Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số La Mã thích hợp để điền vào dấu hỏi chấm là:



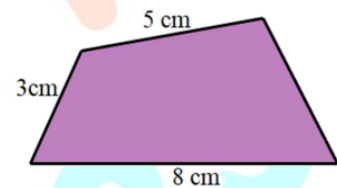
- A. XIV. B. XI. C. XVI. D. XIX.

Câu 2. Làm tròn số 4576 đến hàng chục ta được số:

- A. 4567. B. 4476. C. 4570. D. 4580.

Câu 3. Cho hình vẽ sau, biết chu vi của hình tứ giác là 20cm. Hỏi cạnh còn lại có độ dài là bao nhiêu xăng-ti-mét?

- A. 4cm. B. 5cm.
C. 2cm. D. 9cm.



Câu 4. Bạn Hùng làm bài so sánh giá trị hai biểu thức như sau:

$$9846 : 6 > 546 \times 3.$$

Theo em, bạn Hùng làm đúng hay sai?

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 5. Một hình vuông có chu vi là 36 cm. Tính diện tích của hình vuông đó.

- A. 41cm². B. 16cm². C. 81cm². D. 72cm².

Câu 6. Điền số thích hợp vào ô trống:

$$\square \times 5 = 3510 + 6045$$

- A. 1955. B. 1911. C. 1191. D. 1991.

Câu 7. Hà có 9000 đồng gồm 3 tờ giấy bạc có trị giá như nhau. Hỏi nếu Nga có 5 tờ giấy bạc như thế thì Nga có bao nhiêu tiền?

- A. 20 000 đồng. B. 13 000 đồng. C. 10 000 đồng. D. 15 000 đồng.

Câu 8. Cửa hàng có 1058kg gạo, buổi sáng cửa hàng bán được 257kg gạo. Số gạo còn lại được chia đều vào 9 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 80kg. B. 98kg. C. 89kg. D. 95kg.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

a) 6500; 6600; ; 6800; ;

b) 3010; ; 3030; 3040; ;

Bài 2. Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $(356 + 564) \times 6$.

b) $8456 : (5 + 2)$

c) $693 \times (10 - 3)$

Bài 3. Có 3 kho chứa gạo. Kho thứ nhất chứa 3256kg gạo, kho thứ hai chứa số ki-lô-gam gạo bằng

$\frac{1}{2}$ số ki-lô-gam gạo của kho thứ nhất, kho thứ ba chứa nhiều hơn kho thứ hai 359kg gạo. Hỏi cả ba

kho chứa được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 4. Cho dãy số 10; 12; 14; ... ; 138. Chữ số thứ 103 được dùng để viết dãy số đã cho là chữ số nào?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 7

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số lớn nhất trong các số 4282; 4082; 4820; 4280 là:

- A. 4280. B. 4082. C. 4820. D. 4282

Câu 2. Ngày 8 tháng 3 là ngày thứ Ba. Vậy ngày 15 tháng 3 cùng năm đó là ngày thứ mấy trong tuần?

- A. Thứ Hai. B. Thứ Ba. C. Thứ Tư. D. Thứ Năm.

Câu 3. Làm tròn số 6829 đến hàng nghìn ta được số:

- A. 7000. B. 6000. C. 6800. D. 6700.

Câu 4. Chỉ cần vẽ thêm 2 đoạn thẳng để hình vuông sau có 12 góc vuông.



Cách vẽ nào dưới đây là đúng?

- A. B. C. D.

Câu 5. Giá trị của biểu thức $1145 + 2045 \times 2$ là:

- A. 3190. B. 4090. C. 5325 D. 5235.

Câu 6. Người ta uốn một đoạn dây thép vừa đủ thành một hình vuông có cạnh 15cm. Tính độ dài đoạn dây đó.

- A. 60cm. B. 40cm. C. 50cm. D. 55cm.

Câu 7. Cho bảng số liệu về số giờ xem ti vi của các bạn học sinh trong một ngày:

Tên học sinh	Lan	Bình	Chi	Dũng
Thời gian xem ti vi (giờ)	3	4	2	5

Dựa vào bảng, cho biết bạn nào dành nhiều thời gian xem ti vi nhất trong một ngày?

- A. Bạn Chi. B. Bạn Lan. C. Bạn Bình. D. Bạn Dũng

Câu 8. Một nhà máy có hai đội công nhân, đội một có 1025 công nhân, đội hai nếu có thêm 114 người nữa thì sẽ có số lượng công nhân gấp đôi đội một. Hỏi đội hai có bao nhiêu công nhân?
A. 2691 công nhân. B. 3075 công nhân. C. 1936 công nhân. D. 2961 công nhân.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $6035 + 1908$

b) $7390 - 4285$

c) 2407×3

d) $9640 : 4$

Bài 2. Điền dấu "> , < , =" thích hợp vào chỗ trống

a) $30\text{ml} + 2\text{ml} \dots\dots\dots 1\text{l}$.

b) $250\text{g} + 750\text{g} \dots\dots\dots 1\text{kg}$.

c) $52\text{ml} + 39\text{ml} \dots\dots\dots 146\text{ml} - 55\text{ml}$.

d) $2520\text{kg} - 2518\text{kg} \dots\dots\dots 3000\text{g}$.

Bài 3. Nhà trường có 2055 quyển sách. Sau khi thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc, số quyển sách còn lại bằng $\frac{1}{5}$ số sách ban đầu. Hỏi nhà trường đã thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc bao nhiêu quyển sách?

Bài 4. Phép chia có thương bằng 102 và số dư bằng 4 thì số bị chia bé nhất của phép chia là bao nhiêu?

Trả lời:

Câu 7. Trong một hộp có 4 quả bóng: đỏ, xanh, vàng, cam. Không nhìn vào hộp lấy ra 1 quả bóng. Hỏi có bao nhiêu khả năng có thể xảy ra khi lấy một quả bóng?

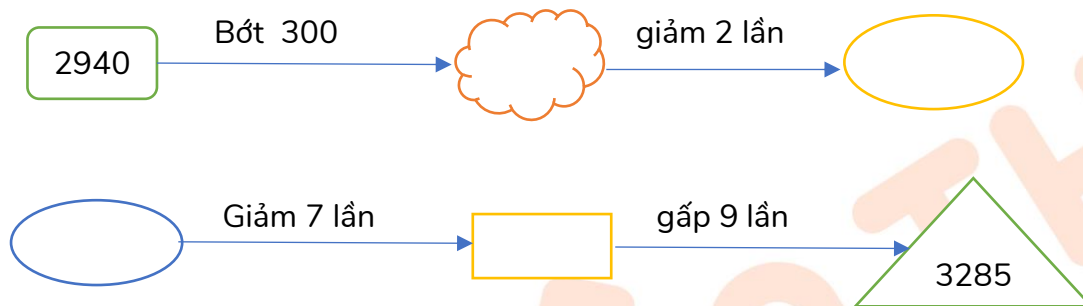
- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 8. Có 6 thùng sách, mỗi thùng đựng 175 quyển. Số sách đó chia đều cho 7 thư viện trường học. Hỏi mỗi thư viện được bao nhiêu quyển sách?

- A. 150 quyển B. 210 quyển. C. 170 quyển. D. 120 quyển.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ trống



Bài 2. Dưới đây là bảng thống kê số cây đã trồng trong vườn trường của các lớp khối 3:

Lớp	3A	3B	3C	3D
Số cây	80	65	90	56

- a) Lớp nào trồng được nhiều cây nhất? Lớp nào trồng được ít cây nhất?
- b) Hai lớp 3A và 3C trồng được tất cả bao nhiêu cây?
- c) Lớp 3C trồng được nhiều hơn lớp 3B bao nhiêu cây?

Bài 3. Một cửa hàng có 4 thùng sô-cô-la, mỗi thùng có 2167 thanh. Sau ba tháng, cửa hàng đã bán được 3928 thanh. Hỏi sau đó cửa hàng còn lại bao nhiêu thanh sô-cô-la?

Bài 4. Thương của 2 số là 705. Nếu số bị chia giảm đi 3 lần và số chia giảm đi 2 lần thì được thương mới là bao nhiêu?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 9

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

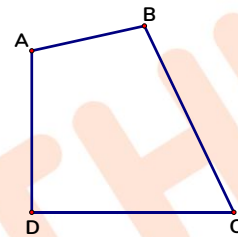
Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Một phép trừ có số trừ là 1355 và hiệu là 55. Số bị trừ là:

- A. 1300. B. 1410. C. 1310. D. 1420.

Câu 2. Trong hình bên có bao nhiêu góc không vuông?

- A. 1. B. 2.
C. 3. D. 4.



Câu 3. Một hình tam giác có độ dài các cạnh là 6cm; 8cm và 1dm.

Chu vi hình tam giác đó là:

- A. 15cm. B. 15dm.
C. 24dm. D. 24cm.



Câu 4. Số đo dung tích nào dưới đây là lớn nhất?

- A. 950ml. B. 500ml. C. 1l. D. 999ml.

Câu 5. Một trang trại chăn nuôi có:

Con vật			
Số lượng	125 con	219 con	5 con

Hỏi số lượng con gà gấp bao nhiêu lần số lượng con thỏ?

- A. 32 lần. B. 22 lần. C. 20 lần. D. 25 lần.

Câu 6. 36 học sinh xếp được thành 4 hàng. Vậy 1134 học sinh sẽ xếp được số hàng như thế là:

- A. 162 hàng. B. 126 hàng. C. 120 hàng. D. 136 hàng.

Câu 7. Cô giáo có 3 hộp bút khác nhau gồm 3 màu: vàng, xanh, đỏ. Mỗi bạn Đào, Mai, Lan lần lượt chọn một hộp bút bất kì. Mai không thể chọn được hộp bút màu nào?

- A. màu vàng. B. màu xanh. C. màu hồng. D. màu đỏ.

Câu 8. Một cửa hàng buổi sáng bán được 170 chiếc xe, số xe bán được trong buổi chiều gấp 6 lần số xe bán được trong buổi sáng. Hỏi cả ngày hôm đó cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe?

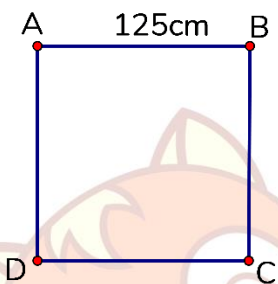
- A. 1190 chiếc. B. 1020 chiếc. C. 850 chiếc. D. 1910 chiếc.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

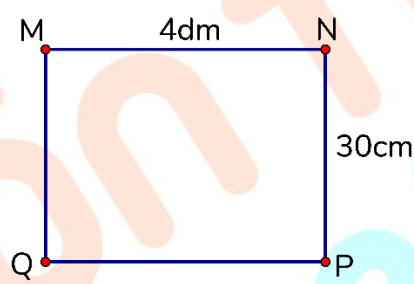
Bài 1. Nối các biểu thức sau với kết quả đúng:



Bài 2. Điền tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp



Chu vi hình vuông ABCD là: cm.



Chu vi hình chữ nhật MNPQ là: cm.

Bài 3. Một xe vận chuyển hàng trong siêu thị mỗi chuyến chở được 5 thùng hàng. Hỏi:

- Chiếc xe đó cần vận chuyển ít nhất bao nhiêu chuyến để chở hết 1105 thùng hàng?
- Nếu mỗi thùng hàng cân nặng 1000kg thì mỗi chuyến xe đó vận chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

Bài 4. Bạn Minh Huy mất 90 giây để leo từ tầng 1 đến tầng 3. Hỏi bạn ấy mất bao nhiêu giây để leo từ tầng 3 đến tầng 6? (Biết rằng số bậc cầu thang giữa các tầng đều bằng nhau)

Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	C	A	D	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) $6943 + 1347$

b) 1816×4

c) $9822 - 2918$

d) $9848 : 8$

Lời giải

a) $6943 + 1347 = 8290$.

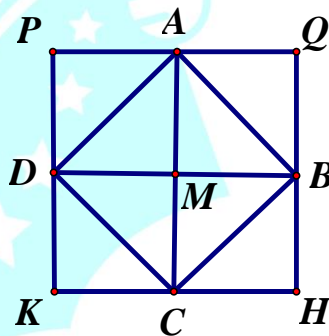
b) $1816 \times 4 = 7264$.

c) $9822 - 2918 = 6904$.

d) $9848 : 8 = 1231$.

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Nêu tên trung điểm của mỗi đoạn thẳng có trong hình dưới đây.



Lời giải

A là trung điểm của đoạn thẳng PQ.

B là trung điểm của đoạn thẳng QH.

C là trung điểm của đoạn thẳng KH.

D là trung điểm của đoạn thẳng PK.

M là trung điểm của đoạn thẳng AC và BD.

Bài 3. (2 điểm) Hà có 10 000 đồng gồm 2 tờ giấy bạc có giá trị như nhau. Hỏi:

a) Mỗi tờ giấy bạc có giá trị là bao nhiêu?

b) Nếu Hà có 5 tờ giấy bạc như thế thì Hà có bao nhiêu tiền?

Lời giải

a) Mỗi tờ giấy bạc có giá trị là: $10\ 000 : 2 = 5000$ (đồng).

b) Nếu Hà có 5 tờ giấy bạc như thế thì Hà có số tiền là: $5000 \times 5 = 25\ 000$ (đồng).

Đáp số: a) 5000 đồng.

b) 25 000 đồng.

Bài 4. (0,5 điểm) Cho các chữ số: 0, 1, 2, 3, 4. Từ các chữ số đã cho, hãy viết thành các số tròn chục có 5 chữ số khác nhau mà chữ số hàng chục nghìn là 3.

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: Các số thoả mãn yêu cầu bài toán là: **31 240; 31 420; 32 140; 32 410; 34 120; 34 210.**

(Các số tròn chục có chữ số hàng đơn vị là 0. Các số cần tìm có 5 chữ số khác nhau mà chữ số hàng chục nghìn 3 và chữ số hàng đơn vị 0 là:

31 240; 31 420; 32 140; 32 410; 34 120; 34 210.)



ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	A	B	D	C	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $12\ 908 + 31\ 086$

b) $16\ 801 - 11\ 083$

c) 2765×5

d) $56\ 130 : 3$

Lời giải

a) $12\ 908 + 31\ 086 = 43\ 994.$

b) $16\ 801 - 11\ 083 = 5718.$

c) $2765 \times 5 = 13\ 825.$

d) $56\ 130 : 3 = 18\ 710.$

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Điền số thích hợp vào ô trống để được các số tương ứng với số La Mã đã cho:

a) XIV: b) XX:

c) III: d) XV:

Lời giải

a) XIV: b) XX:

c) III: d) XV:

Bài 3. (2 điểm) Một thư viện có 2910 cuốn truyện tranh, sau đó mua thêm được một số cuốn bằng $\frac{1}{6}$ số truyện tranh đã có. Hỏi thư viện có tất cả bao nhiêu cuốn truyện tranh?

Lời giải

Mua thêm được số cuốn truyện tranh là: $2910 : 6 = 485$ (cuốn).

Thư viện có tất cả số cuốn truyện tranh là: $2910 + 485 = 3395$ (cuốn).

Đáp số: 3395 cuốn truyện tranh.

Bài 4. (0,5 điểm) Phép chia có thương bằng 1202 và số dư bằng 4 thì số bị chia bé nhất của phép chia là bao nhiêu?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số bị chia bé nhất của phép chia là: **6014**.

(Để số bị chia bé nhất có thể thì số chia phải bé nhất có thể.

Số chia bé nhất hơn số dư 1 đơn vị nên số chia là 5.

Số bị chia bé nhất của phép chia là: $1202 \times 5 + 4 = 6014$.)



ON THI
123

ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	D	A	C	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) $707 + 5857$

b) $4497 - 833$

c) 4013×2

d) $1824 : 4$

Lời giải

a) $707 + 5857 = 6564.$

b) $4497 - 833 = 3664.$

c) $4013 \times 2 = 8026.$

d) $1824 : 4 = 456.$

(HS tự đặt tính rồi tính).

Bài 2. (1,5 điểm) Thực hiện các yêu cầu dưới đây:

a) Sắp xếp các số: 36 597, 59 268, 59 378, 94 472, 83 647 theo thứ tự tăng dần.

b) Sắp xếp các số: 76 389, 94 258, 49 852, 67 983, 87 396 theo thứ tự giảm dần.

Lời giải

a) Các số được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

36 597; 59 268; 59 378; 83 647; 94 472.

b) Các số được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là:

94 258; 87 396; 76 389; 67 983; 49 852.

Bài 3. (2 điểm) Một đội công nhân phải sửa quãng đường dài 3519m. Đội đã sửa được đoạn đường có độ dài giảm đi 9 lần so với độ dài quãng đường ban đầu. Hỏi đội công nhân đó phải sửa bao nhiêu mét đường nữa?

Lời giải

Đội công nhân đã sửa được số mét đường là: $3519 : 9 = 391$ (m).

Đội công nhân đó phải sửa số mét đường nữa là: $3519 - 391 = 3128$ (m).

Đáp số: 3128m đường.

Bài 4. (0,5 điểm) Bạn Đông mất 16 phút để đi bộ từ cột đèn thứ nhất đến cột đèn thứ 9. Hỏi nếu bạn Đông đi tiếp 20 phút nữa thì sẽ đi đến cột đèn thứ mấy? Biết rằng tốc độ đi của Đông không thay đổi và các cột đèn cách đều nhau.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Đông đi 20 phút nữa sẽ đi được đến cột đèn thứ: **19**.

(Giữa 9 cột đèn có 8 khoảng cách. Mỗi khoảng cách đi mất số thời gian là: $16 : 8 = 2$ (phút).

20 phút sẽ đi thêm được số khoảng cách là: $20 : 2 = 10$ (khoảng cách).

Có tất cả số khoảng cách là: $8 + 10 = 18$ (khoảng cách).

Do đó có 19 cột đèn.

Vậy Đông đi 20 phút nữa sẽ đi được đến cột đèn thứ: 19).



ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	D	C	B	D	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $6909 + 1457$

b) $3406 - 2095$

c) 2567×3

d) $5992 : 7$

Lời giải

a) $6909 + 1457 = 8366.$

b) $3406 - 2095 = 1311.$

c) $2567 \times 3 = 7701.$

d) $5992 : 7 = 856.$

(HS tự đặt tính rồi tính).

Bài 2. (1 điểm) Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào chỗ trống:

a) $370\text{cm}^2 + 25\text{cm}^2 \dots\dots 363\text{cm}^2$

b) $500\text{cm}^2 - 123\text{cm}^2 \dots\dots 387\text{cm}^2$

c) $15\text{cm}^2 \times 4 \dots\dots\dots 60\text{cm}^2$

d) $80\text{cm}^2 \dots\dots\dots 560\text{cm}^2 : 7$

Lời giải

a) Ta có: $370\text{cm}^2 + 25\text{cm}^2 = 395\text{cm}^2$

Vì $395\text{cm}^2 > 363\text{cm}^2$ nên $370\text{cm}^2 + 25\text{cm}^2 > 363\text{cm}^2$.

b) Ta có: $500\text{cm}^2 - 123\text{cm}^2 = 377\text{cm}^2$

Vì $377\text{cm}^2 < 387\text{cm}^2$ nên $500\text{cm}^2 - 123\text{cm}^2 < 387\text{cm}^2$

c) Ta có: $15\text{cm}^2 \times 4 = 60\text{cm}^2$

Vì $60\text{cm}^2 = 60\text{cm}^2$ nên $15\text{cm}^2 \times 4 = 60\text{cm}^2$

d) Ta có: $560\text{cm}^2 : 7 = 80\text{cm}^2$

Vì $80\text{cm}^2 = 80\text{cm}^2$ nên $80\text{cm}^2 = 560\text{cm}^2 : 7$

Bài 3. (2 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài 1dm và chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Hỏi chu vi của hình chữ nhật đó là bao nhiêu xăng-ti-mét?

Lời giải

Đổi 1dm = 10cm.

Chiều rộng của hình chữ nhật đó là: $10 : 2 = 5$ (cm).

Chu vi hình chữ nhật đó là: $(10 + 5) \times 2 = 30$ (cm)

Đáp số: 30cm

Bài 4. (1 điểm) Điền 3 số tiếp theo vào dãy số sau: 1; 1; 2; 3; 5; 8; 13; 21; ... ; ... ; ...

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 3 số tiếp theo của dãy số trên là: **34; 55; 89.**

(Quy luật: Kể từ số hạng thứ ba, mỗi số đều bằng tổng của 2 số đứng liền trước nó.

3 số tiếp theo cần điền là:

$$13 + 21 = 34$$

$$21 + 34 = 55$$

$$34 + 55 = 89$$

Vậy 3 số tiếp theo của dãy số trên là: 34; 55; 89).

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	A	B	B	C	B	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) $7235 + 1968$.

c) 2307×3 .

b) $9090 - 5775$.

d) $6940 : 4$.

Lời giải

a) $7235 + 1968 = 9203$.

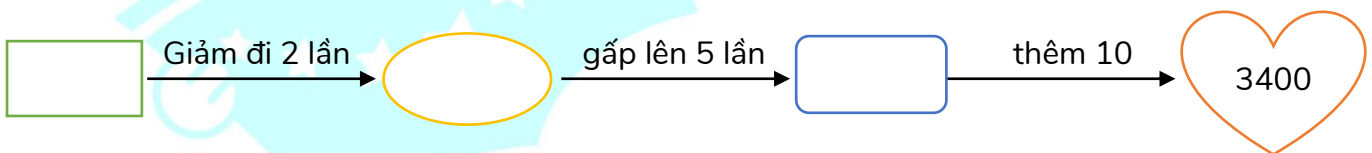
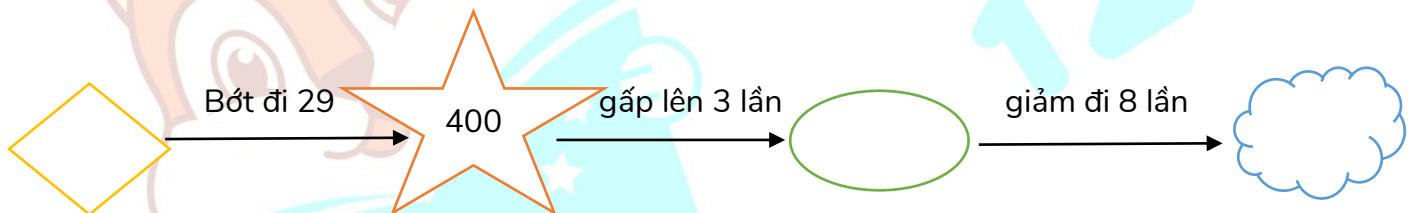
c) $2307 \times 3 = 6921$.

b) $9090 - 5775 = 3315$.

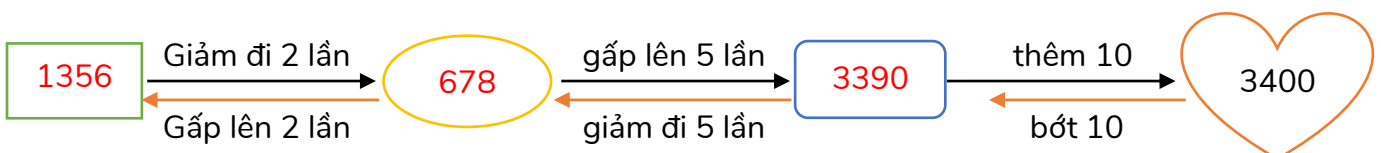
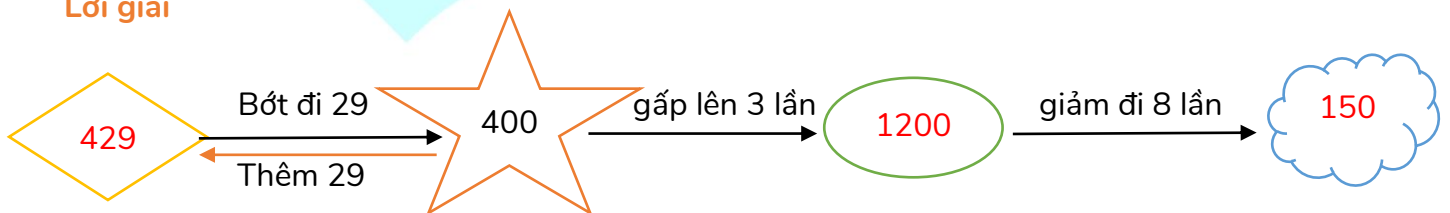
d) $6940 : 4 = 1735$.

(HS tự đặt tính rồi tính).

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào các hình sau:



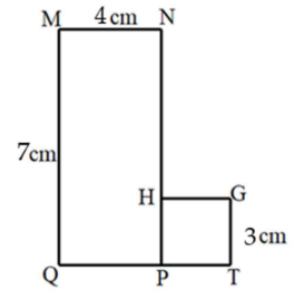
Lời giải



Bài 3. (2 điểm) Hình H gồm hình chữ nhật MNPQ và hình vuông HGTP như hình sau.

a) Tính diện tích hình chữ nhật MNPQ và hình vuông HGTP.

b) Tính diện tích hình H.



Hình H

Lời giải

a) Diện tích hình chữ nhật MNPQ là: $4 \times 7 = 28$ (cm²).

Diện tích hình vuông HGTP là: $3 \times 3 = 9$ (cm²).

b) Diện tích hình H là: $28 + 9 = 37$ (cm²).

Đáp số: a) 28cm² và 9cm².

b) 37cm².

Bài 4. (0,5 điểm) Bạn Mai viết một dãy số: 1, 0, 2, 1, 0, 2, 1, 0, 2... Hỏi số hạng thứ 41 là số mấy?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số hạng thứ 41 là số **0**.

(Ta thấy cứ 3 số: 1, 0, 2 lập thành 1 nhóm.

Ta có: $41 : 3 = 13$ (dư 2).

Vậy số hạng thứ 41 là số 0).

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	A	C	B	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ trống:a) 6500; 6600; ; 6800; ; b) 3010; ; 3030; 3040; ; **Lời giải**a) 6500; 6600; ; 6800; ; b) 3010; ; 3030; 3040; ; **Bài 2. (1,5 điểm)** Tính giá trị của các biểu thức sau:a) $(356 + 564) \times 6$.b) $8456 : (5 + 2)$.c) $693 \times (10 - 3)$.**Lời giải**a) $(356 + 564) \times 6 = 920 \times 6 = 5520$.b) $8456 : (5 + 2) = 8456 : 7 = 1208$.c) $693 \times (10 - 3) = 693 \times 7 = 4851$.

Bài 3. (2,5 điểm) Có 3 kho chứa gạo. Kho thứ nhất chứa 3256kg gạo, kho thứ hai chứa số ki-lô-gam gạo bằng $\frac{1}{2}$ số ki-lô-gam gạo của kho thứ nhất, kho thứ ba chứa nhiều hơn kho thứ hai 359kg gạo. Hỏi cả ba kho chứa được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Lời giải

Kho thứ hai chứa số ki-lô-gam gạo là: $3256 : 2 = 1628$ (kg).

Kho thứ ba chứa số ki-lô-gam gạo là: $1628 + 359 = 1987$ (kg).

Cả ba kho chứa được tất cả số ki-lô-gam gạo là: $3256 + 1628 + 1987 = 6871$ (kg).

Đáp số: 6871kg gạo.

Bài 4. (0,5 điểm) Cho dãy số 10; 12; 14; ... ; 138. Chữ số thứ 103 được dùng để viết dãy số đã cho là chữ số nào?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Chữ số thứ 103 được dùng để viết dãy số đã cho là chữ số **1**.

(Nhận xét: Dãy số đã cho là dãy số cách đều, có khoảng cách giữa hai số liền nhau là 2 đơn vị.

Dãy 10; 12; ...; 96; 98 có: $(98 - 10) : 2 + 1 = 45$ (số có 2 chữ số) nên có số chữ số là:

$2 \times 45 = 90$ (chữ số).

Số chữ số còn lại dùng để viết số có 3 chữ số trong dãy là: $103 - 90 = 13$ (chữ số).

Ta có: $13 : 3 = 4$ (dư 1) nên chữ số thứ 103 của dãy số đã cho là chữ số đầu tiên của số hạng thứ 5 trong dãy số: 100; 102; ...; 138.

Số hạng thứ 5 trong dãy số: 100; 102; ...; 138 là 108.

Do đó chữ số cần tìm là 1).

ĐỀ SỐ 7

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	A	B	D	A	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $6035 + 1908$

b) $7390 - 4285$

c) 2407×3

d) $9640 : 4$

Lời giải

a) $6035 + 1908 = 7943.$

b) $7390 - 4285 = 3105.$

c) $2407 \times 3 = 7221.$

d) $9640 : 4 = 2410.$

(HS tự đặt tính rồi tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Điền dấu "> , < , =" thích hợp vào chỗ trống

a) $30ml + 2ml \dots\dots\dots 1l.$

b) $250g + 750g \dots\dots\dots 1kg.$

c) $52ml + 39ml \dots\dots\dots 146ml - 55ml.$

d) $2520kg - 2518kg \dots\dots\dots 3000g.$

Lời giải

a) Ta có: $30ml + 2ml = 32ml$; $1l = 1000ml.$

Vì $32ml < 1000ml$ nên $30ml + 2ml < 1l.$

b) Ta có: $250g + 750g = 1000g$; $1kg = 1000g.$

Vì $1000g = 1000g$ nên $250g + 750g = 1kg.$

c) Ta có: $52ml + 39ml = 91ml$; $146ml - 55ml = 91ml.$

Vì $91ml = 91ml$ nên $52ml + 39ml = 146ml - 55ml.$

d) Ta có: $2520kg - 2518kg = 2kg$; $3000g = 3kg.$

Vì $2kg < 3kg$ nên $2520kg - 2518kg < 3000g.$

Bài 3. (2 điểm) Nhà trường có 2055 quyển sách. Sau khi thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc, số quyển sách còn lại bằng $\frac{1}{5}$ số sách ban đầu. Hỏi nhà trường đã thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc bao nhiêu quyển sách?

Lời giải

Số quyển sách còn lại sau khi thưởng là: $2055 : 5 = 411$ (quyển).

Nhà trường đã thưởng cho các bạn học sinh xuất sắc số quyển sách là:

$$2055 - 411 = 1644 \text{ (quyển).}$$

Đáp số: 1644 quyển sách.

Bài 4. (0,5 điểm) Phép chia có thương bằng 102 và số dư bằng 4 thì số bị chia bé nhất của phép chia là bao nhiêu?

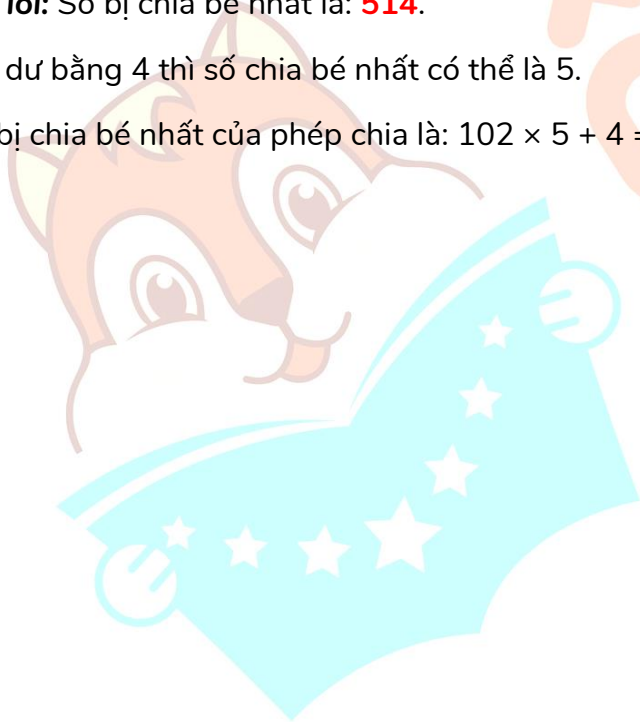
Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số bị chia bé nhất là: **514**.

(Số dư bằng 4 thì số chia bé nhất có thể là 5.

Số bị chia bé nhất của phép chia là: $102 \times 5 + 4 = 514$)



ĐỀ SỐ 8

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	B	2	B	D	D	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ trống



Lời giải



Bài 2. (1,5 điểm) Dưới đây là bảng thống kê số cây đã trồng trong vườn trường của các lớp khối 3:

Lớp	3A	3B	3C	3D
Số cây	80	65	90	56

- Lớp nào trồng được nhiều cây nhất? Lớp nào trồng được ít cây nhất?
- Hai lớp 3A và 3C trồng được tất cả bao nhiêu cây?
- Lớp 3C trồng được nhiều hơn lớp 3B bao nhiêu cây?

Lời giải

Quan sát bảng số liệu ta thấy:

Lớp 3A trồng được 80 cây.

Lớp 3B trồng được 65 cây.

Lớp 3C trồng được 90 cây.

Lớp 3D trồng được 56 cây.

Ta có: $90 > 80 > 65 > 56$.

Vậy:

a) Lớp **3C** trồng được nhiều cây nhất. Lớp **3D** trồng được ít cây nhất.

b) Hai lớp 3A và 3C trồng được tất cả số cây là: $80 + 90 = 170$ (cây).

c) Lớp 3C trồng được nhiều hơn lớp 3B số cây là: $90 - 65 = 25$ (cây).

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng có 4 thùng sô-cô-la, mỗi thùng có 2167 thanh. Sau ba tháng, cửa hàng đã bán được 3928 thanh. Hỏi sau đó cửa hàng còn lại bao nhiêu thanh sô-cô-la?

Lời giải

4 thùng sô-cô-la có số thanh sô-cô-la là: $2167 \times 4 = 8668$ (thanh).

Sau 3 tháng cửa hàng còn lại số thanh sô-cô-la là: $8668 - 3928 = 4740$ (thanh).

Đáp số: 4740 thanh sô-cô-la.

Bài 4. (0,5 điểm) Thương của 2 số là 705. Nếu số bị chia giảm đi 3 lần và số chia giảm đi 2 lần thì được thương mới là bao nhiêu?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Thương mới là: **470**.

(Nếu số bị chia giảm đi 3 lần thì thương giảm 3 lần.

Nếu số chia giảm đi 2 lần thì thương tăng lên 2 lần.

Thương mới là: $705 : 3 \times 2 = 470$).

ĐỀ SỐ 9

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2023 – 2024

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	C	D	B	C	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Nối các biểu thức sau với kết quả đúng

$$3620 : 5 \times 7$$

$$1242 + 108 \times 9$$

$$(5120 - 214) \times 2$$

9812

5068

2214

Lời giải

Ta có:

$$3620 : 5 \times 7 = 724 \times 7 = 5068.$$

$$1242 + 108 \times 9 = 1242 + 972 = 2214.$$

$$(5120 - 214) \times 2 = 4906 \times 2 = 9812.$$

Vậy ta có kết quả nối như sau:

$$3620 : 5 \times 7$$

$$1242 + 108 \times 9$$

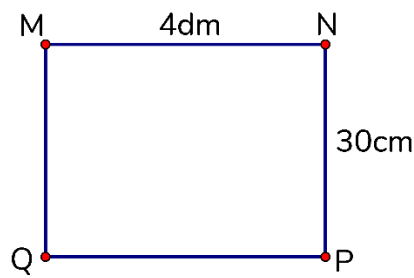
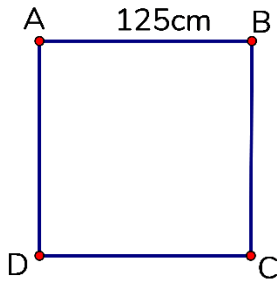
$$(5120 - 214) \times 2$$

9812

5068

2214

Bài 2. (1,5 điểm) Điền tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp



Chu vi hình vuông ABCD là: cm.

Chu vi hình chữ nhật MNPQ là: cm.

Lời giải

+) Chu vi hình vuông ABCD là: $125 \times 4 = 500$ (cm).

+) Đổi $4\text{dm} = 40\text{cm}$.

Chu vi hình chữ nhật MNPQ là: $(40 + 30) \times 2 = 140$ (cm).

Bài 3 (2 điểm). Một xe vận chuyển hàng trong siêu thị mỗi chuyến chở được 5 thùng hàng. Hỏi:

a) Chiếc xe đó cần vận chuyển ít nhất bao nhiêu chuyến để chở hết 1105 thùng hàng?

b) Nếu mỗi thùng hàng cân nặng 1000kg thì mỗi chuyến xe đó vận chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

Lời giải

a) Chiếc xe đó cần vận chuyển ít nhất số chuyến là: $1105 : 5 = 221$ (chuyến).

b) Mỗi chuyến xe đó vận chuyển được số ki-lô-gam hàng là: $1000 \times 5 = 5000$ (kg).

Đáp số: a) 221 chuyến; b) 5000kg.

Bài 4. (0,5 điểm) Bạn Minh Huy mất 90 giây để leo từ tầng 1 đến tầng 3. Hỏi bạn ấy mất bao nhiêu giây để leo từ tầng 3 đến tầng 6? (Biết rằng số bậc cầu thang giữa các tầng đều bằng nhau)

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Để leo từ tầng 3 đến tầng 6 bạn Minh Huy mất **135 giây**.

(Ta gọi một nhịp cầu thang là đi từ tầng này lên tầng liền trên (ví dụ đi từ tầng 1 lên tầng 2).

Từ tầng 1 lên tầng 3 cần đi 2 “nhịp” cầu thang hết 90 giây.

Đi 1 “nhịp” cầu thang hết thời gian là: $90 : 2 = 45$ (giây).

Đi từ tầng 3 lên tầng 6 cần đi 3 “nhịp” cầu thang nên hết thời gian là: $45 \times 3 = 135$ (giây).